TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/DS - ST.
Ngày: 20 - 3 - 2019.
V/v "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Quyết Chiến

2. Ông Thạch Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Buốl – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân HUYỆN L, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN L, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2018/TLST- DS ngày 10 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Đại H, sinh năm 1973 - Chủ hộ kinh doanh đại lý Trường Hải; địa chỉ: Số 034, khóm Tr, phường Khánh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1993; địa chỉ: Khóm Wath P , phường Vĩnh Ph, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền lập ngày 28/11/2018 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Dương Văn U, sinh năm 1977 và bà Ông Kim LM(Ông Thị L), sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3. Người làm chứng:

1. Ông Chế Văn Đ, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp Ch, thị trấn Cù Lao D, huyện Cù Lao D, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1981; địa chỉ: Số nhà B02/03E, khóm Trà Kh, phường 8, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/7/2018 của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị Thu H trình bày:

Ngày 04/7/2017 ông Trần Đại H và ông Dương Văn U đã ký Hợp đồng mua bán thức ăn tôm. Theo thỏa thuận tại Hợp đồng này, ông Hiệp sẽ bán thức ăn cho tôm theo đơn đặt hàng của ông Út. Nhân viên của ông Hiệp sẽ giao hàng tận kho ông Út theo địa điểm hai bên thỏa thuận. Hai bên thỏa thuận về phương thức thanh toán như sau: "Chậm nhất bên B (ông Dương Văn U) phải thanh toán hết số tiền hàng còn lại vào ngày cuối cùng vụ thu hoạch tôm. Vào ngày thu hoạch tôm bên B phải thông báo cho bên A, để bên A cử người xuống thu công nợ.Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Hiệp đã cung ứng hàng hóa và giao tận kho ông Út theo đúng số lượng, chất lượng và chủng loại đặt hàng của ông Út. Ông Út sau khi nhận hàng không hề phàn nàn hay có ý kiến gì về số lượng, chất lượng, chủng loại đơn hàng. Từ lúc ký hợp đồng cho tới ngày 17/05/2018 ông Hiệp đã giao hàng cho ông Út nhiều đợt cho ông Út với tổng lượng thức ăn tôm là 26.070 kg. Khoản tiền hàng chưa thanh toán tính đến thời điểm hiện ông Út còn nợ ông Hiệp là 872.160.000 đồng.

Tuy nhiên, ông Út không thực hiện đúng cam kết về nghĩa vụ thanh toán. Cụ thể: Ngày 16/5/2018 ông Út đã thu hoạch tôm ngày cuối cùng nhưng sau khi thu hoạch tôm, ông Út cố tình không thanh toán tiền như thỏa thuận. Ngày 18/5/2018 ông Hiệp đã yêu cầu ông Út thanh toán hết tiền nợ nhưng ông Út xin gia hạn và cam kết đang có tài sản là nhà và đất tại Ấp 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Tài sản này thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Út, nếu ông Út không thanh toán đúng hạn, ông Út sẽ làm thủ tục quyền sở hữu, sử dụng cho ông Hiệp để làm tin.

Do tin tưởng ông Út nên ông Hiệp đã đồng ý thỏa thuận kéo dài thời hạn thanh toán với ông Út theo biên bản làm việc về việc xác nhận công nợ và cam kết thanh toán ngày 18/5/2018 giữa ông Hiệp và ông Dương Văn U. Cụ thể ông Út cam kết sẽ thanh toán cho ông Hiệp làm 03 đợt: Đợt 1 vào ngày 21/5/2018 ông Út phải thanh toán với số tiền 300.000.000 đồng; đợt 2 vào ngày 15/6/2018 thanh toán số tiền 400.000.000 đồng; đợt 3 vào ngày 20/10/2018 thanh toán với số tiền 172.160.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 872.160.000 đồng. Việc mua bán này bà Ông Kim Liền (Ông Thị Liến) là vợ ông Út cũng biết. Đến nay ông Dương Văn U vẫn chưa thanh toán cho ông Hiệp bất kì khoản tiền nào như đã cam kết. Ông Hiệp đã nhiều lần liên lạc và đề nghị ông Út thực hiện đúng như cam kết nhưng ông Út cố tình không gặp ông Hiệp. Hiện nay, ông Út cố tình không thực hiện đúng thỏa thuận tại biên bản làm việc về việc xác nhận công nợ và cam kết thanh toán ngày 18/5/2018. Hành vi này của ông Út đã xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hiệp. Nay ông Trần Đại H yêu cầu buộc ông Dương Văn U và bà Ông Kim LM(Ông Thị L) trả cho ông Hiệp một lần đủ số tiền là 872.160.000 đồng (tám trăm bảy mươi hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi. Đối với tài sản là nhà và đất tại Ấp 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng ông Hiệp không yêu cầu xử lý hay tranh chấp vì đó không phải là tài sản thế chấp,

ông Út chỉ ghi trong tờ cam kết trả nợ để hai bên làm niềm tin cho nhau nên ông Hiệp không yêu cầu xử lý.

- Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN Ltham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Dương Văn U và bà bà Ông Kim LM(Ông Thị L) phải có trách nhiệm trả cho ông Trần Đại H – Chủ hộ kinh doanh đại lý Trường Hải số tiền là 872.160.000đồng (Tám trăm bảy mươi hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Dương Văn U và bà Ông Kim LM(Ông Thị L) mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 79/TB-TLVA ngày 10/8/2018; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập ngày 01/10/2018; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập ngày 13/12/2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử ngày 11/02/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST – DS ngày 28/02/2019, giấy triệu tập số 05 ngày 28/02/2019 nhưng vẫn không có văn bản trả lời và vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Dương Văn U và bà Ông Kim LM(Ông Thị L)

[2] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 872.160.000 đồng. Xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn cung cấp cho Tòa án "Hợp đồng mua bán v/v mua bán thức ăn chăn nuôi" đề ngày 04/7/2017 trong đó thể hiện tại Điều 1 có ghi "Bên A đồng ý bán cho bên B các Sản Phẩm do Bên A sản xuất, kinh doanh mang nhãn hiệu, tiêu chuẩn chất lượng và quy cách đóng gói theo công bố của Công ty LDHH Thức Ăn Thủy Sản Việt Hóa. Cụ thể số lượng, sản phẩm sẽ được Bên B đặt hàng thông qua đơn đặt hàng gửi Bên A" và Điều 3 của hợp đồng có ghi "…Đợt 2: Chậm nhất Bên B phải thanh toán hết số tiền còn lại vào ngày cuối cùng vụ thu hoạch tôm. Vào ngày thu hoạch tôm Bên B phải thông báo cho Bên A, để Bên A cử người xuống thu nợ" và "Biên bản làm việc" đề ngày 18/5/2018 có ghi "Tính đến ngày 18/5/2018, hai bên thống nhất số nợ Bên B còn nợ Bên A số tiền là 872.160 đồng…", bản cam kết trả nợ ngày 17/5/2018 có ghi " Hiện tại tôi nợ tiền mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản của Đại lý Trường Hải số

tiền nợ là 872.160.000 đồng…". Tất cả chứng cứ nêu trên đều có chữ ký của ông Dương Văn U và chứng cứ này phù hợp với lời khai của người làm chứng là ông Chế Văn Đ là người giao thức ăn và thuốc thủy sản cho ông Dương Văn U khai "Ông là nhân viên giao hàng của Trường Hải, từ tháng 7/2017 đến tháng 5/2018 ông là người giao hàng cho ông Dương Văn U tại ao tôm cụ thể ấp Mười Chiến, xã Long Phú, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, khi giao số lượng bao nhiêu thì có ký xác nhận", phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Quang T là người chứng kiến ông Út làm bản cam kết trả nợ ngày 17/5/2018 khai "Ông là người bán thức ăn cho ông Hiệp, ngày 17/5/2018 ông Út có làm bản cam kết trả nợ ngày 17/5/2018 thừa nhận có nợ 872.160.000 đồng tiền mua thức ăn và thuốc nuôi tôm, ký tên có mặt ông tại ao tôm ông Út tại ấp Mười Chiến, xã Long Phú, huyện L, tỉnh Sóc Trăng" và chứng cứ trên phù hợp với sổ giao nhận hàng, có ký giao nhận thức ăn và thuốc (Bút lục 36) thể hiện tính đến ngày 17/5 số lượng giao là 26.070kg, phù hợp với đơn yêu cầu về việc xác nhận nơi nuôi tôm và ngày thu hoạch tôm ngày 14/12/2018 có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã Long Phú ngày 17/12/2018 cho rằng ông Dương Văn U và bà Ông Thị Liền (Ông Kim Liền) có nuôi tôm tại ấp Mười Chiến, xã Long Phú, huyện L và ông Dương Văn U và bà Ông Thị Liền (Ông Kim Liền) ngày 16/5/2018 đã thu hoạch tôm ngày cuối cùng, sau khi thu hoạch tôm xong rồi bỏ đi. Mặt khác, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện L có tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý cho bị đơn và pho to các tài liệu chứng cứ cho bị đơn nhưng bị đơn không có văn bản trả lời, bị đơn đều vắng mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ và từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh và không đưa ra chứng cứ để phủ nhận hay phản đối gì đối với yêu cầu của nguyên đơn nên đủ căn cứ để Hội đồng xét xử xác định bị đơn có mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc với nguyên đơn với số lượng 26.070kg và hiện nay còn nợ nguyên đơn số tiền 872.160.000 đồng là có căn cứ. Đối chiếu với Điều 280, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 872.160.000 đồng là có căn cứ.

[3] Theo như hợp đồng "Hợp đồng mua bán v/v mua bán thức ăn chăn nuôi" đề ngày 04/7/2017 tại mục bên mua có chữ ký của ông Dương Văn U, không có bà Ông Kim LM(Ông Thị L). Tuy nhiên, theo biên bản xác minh ngày 04/01/2019 xác định bà Ông Kim LM(Ông Thị L) và Dương Văn U tại thời điểm giao dịch còn là vợ chồng và đang sống chung tại Ấp 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Bên cạnh đó, việc mua bán thức ăn nuôi tôm là để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án bà Ông Kim LM(Ông Thị L) mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng trong đó thể hiện trách nhiệm trả nợ nhưng bà không có ý kiến phản đối gì. Nên căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, nguyên đơn yêu cầu bà Ông Kim LM(Ông Thị L) cùng ông Dương Văn U trả số tiền 872.160.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có ý kiến gì về lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Tại Biên bản làm việc ngày 18/5/2018 tại mục 4. Điều khoản thỏa thuận khác có ghi " Bên B cam kết đang có tài sản là nhà và đất tại địa chỉ ấp 2, TT –

Long Phú, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Tài sản này thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Bên B. Nếu Bên B không thanh toán đúng hạn, Bên B sẽ làm thủ tục chuyển quyền sở hữu, sử dụng này cho Bên A" và tại cam kết trả nợ ngày 17/05/2018 có ghi " Nếu tôi làm sai cam kết thì tôi sẽ sang nhượng lại nhà đất của tôi đang ởi (địa chỉ Ấp 2, TT Long Phú, H. Long Phú. STrg). Số nhà B11/2). Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Văn U và bà Ông Kim LM(Ông Thị L) trả số tiền mua bán thức ăn là 872.160.000 đồng (tám trăm bảy mươi hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) và tại biên bản ghi lời khai ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L đối với ông Trần Đại H cho rằng khi mua bán thức ăn với bị đơn hai bên không có thế chấp tài sản nào để đảm bảo khoản tiền 872.160.000 đồng, hai bên chỉ cam kết chỉ ghi vào giấy tờ để bị đơn có trách nhiệm trả. Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không có yêu cầu đối với tài sản mà hai bên cam kết vì hai bên không có thế chấp, ghi vậy chỉ để làm niềm tin và chỉ yêu cầu bị đơn trả 872.160.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đối với tài sản trên là có căn cứ.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[7]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 280, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Dương Văn U và bà Ông Kim LM(Ông Thị L) phải có trách nhiệm trả cho ông Trần Đại H – Chủ hộ kinh doanh Đại lý Trường Hải số tiền là 872.160.000đồng (Tám trăm bảy mươi hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Trần Đại H - Chủ hộ kinh doanh Đại lý Trường Hải có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Dương Văn U và bà Ông Kim LM(Ông Thị L) còn phải trả số tiền lãi cho ông Trần Đại H - Chủ hộ kinh doanh Đại lý Trường Hải theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Văn U và bà Ông Kim LM(Ông Thị L) phải chịu 38.164.800 đồng (Ba mươi tám triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Đại H – Chủ hộ kinh doanh Đại lý Trường Hải không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Trần Đại H – Chủ hộ kinh doanh Đại lý Trường Hải số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.082.400đồng (Mười chín triệu không trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm đồng) theo biên lai số 0003197 ngày 03/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện L;
- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A DS huyệnLong Phú;
- Lưu (HS, VP).

DƯƠNG THỊ THANH HOA